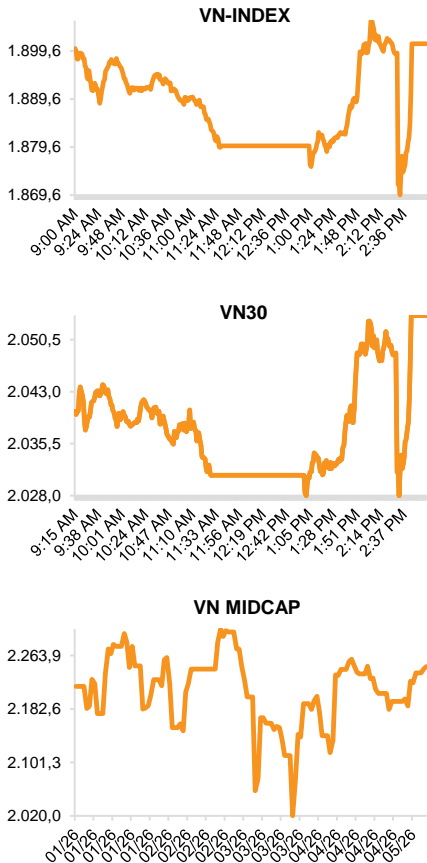


**KHÖI PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT**  
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội  
☎ +84 2439724568  
✉ Research@vndirect.com.vn  
🌐 vndirect.com.vn



**Hình 1: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ**

Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.901,1	253,3	126,6
1 ngày (%)	0,3	2,1	-0,5
1 tháng (%)	8,6	0,5	-0,6
Từ 2026	6,5	1,8	4,7
1 năm (%)	48,1	17,2	35,3
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	338	15	25
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VND)	0,8	1,2	0,4
Số mã tăng	161	70	120
Số mã giảm	138	76	106
Số mã tham chiếu	103	150	513

Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Thị trường chứng khoán**

**VN-Index tăng 0,3%, thanh khoản sụt giảm**

Phiên giao dịch ngày 12/05/2026 ghi nhận sự hồi phục về mặt điểm số khi VN-Index đóng cửa tại mức 1.901,10 điểm, tăng 5,60 điểm (tương đương 0,30%). Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 193 mã tăng, 136 mã giảm và 69 mã đứng giá. Tuy nhiên, giá trị khớp lệnh trên HoSE giảm 24,7% so với phiên trước xuống 19,1 nghìn tỷ đồng, thấp hơn mức bình quân 20 phiên, phản ánh tâm lý giao dịch thận trọng khi dòng tiền vẫn quan sát sau biến động mạnh gần đây. HNX-Index cũng duy trì sắc xanh khi đóng cửa tại 253.3 điểm, tăng 5.2 điểm (+2,1%).

VN30 tăng nhẹ lên 2.054 điểm (+0,7%) với 16 mã tăng và 13 mã giảm. Diễn biến các nhóm ngành ghi nhận sự phân hóa nhưng sắc xanh vẫn chiếm ưu thế tại các ngành trụ cột. Dầu khí là điểm sáng lớn nhất với mức tăng mạnh 3,5%, theo sau là nhóm Hóa chất (+2,7%), Xây dựng và Vật liệu (+2,5%) và Bảo hiểm (+2,2%). Nhóm Ngân hàng cũng đóng góp tích cực vào chỉ số chung với mức tăng 0,3%. Ở chiều ngược lại, áp lực điều chỉnh vẫn xuất hiện tại nhóm Bất động sản (-0,2%), Thực phẩm và Đồ uống (-0,3%).

Về phía khối ngoại, áp lực bán ròng vẫn duy trì với tổng giá trị 820,3 tỷ đồng trên sàn HoSE. Nhóm cổ phiếu bị khối ngoại bán ròng mạnh nhất bao gồm FPT (-171,6 tỷ), VHM (-154,3 tỷ).

**Chúng tôi khuyến nghị:** 1) Đối với nhà đầu tư có tỷ trọng cổ phiếu cao: VNIndex xác lập đỉnh mới là tín hiệu kỹ thuật tích cực, song độ rộng thị trường âm và chưa đến một phần ba số mã ghi nhận mức tăng cho thấy đà phục hồi phụ thuộc vào số ít cổ phiếu vốn hóa lớn. Có thể cân nhắc chốt lời từng phần tại các vị thế đã đạt mục tiêu và hạn chế gia tăng thêm trong bối cảnh đà tăng thiếu chiều rộng; 2) Đối với nhà đầu tư có tỷ trọng tiền mặt cao: Thanh khoản cải thiện mạnh tạo cơ sở để giải ngân có chọn lọc, ưu tiên Bất động sản và Ngân hàng là hai ngành đang dẫn dắt xu hướng với dòng vốn rõ ràng. Tránh phân bổ vào nhóm Dầu khí khi giá dầu toàn cầu tiếp tục điều chỉnh.

**Hình 2: DIỄN BIẾN NGÀNH**

Ngành	Tỷ trọng	P/E	P/B	Thay đổi (%)				
				1D	1M	YTD	1Y	KL
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4,3	172,3	3,7	0,4	4,1	-3,4	26,4	-23,8
Hàng tiêu dùng thiết yếu	6,7	19,5	4,7	-0,3	-3,7	-9,8	10,9	-14,0
Năng lượng	2,5	14,8	1,9	3,8	3,6	55,7	110,7	-12,2
Tài chính	36,5	12,0	1,7	0,4	0,9	3,4	30,4	0,4
Chăm sóc sức khỏe	0,4	16,5	2,4	0,2	-4,5	-5,3	0,3	-32,0
Công nghiệp	7,1	24,6	4,4	-0,1	3,3	-3,1	46,6	-3,8
Công nghệ thông tin	1,5	12,8	3,0	0,8	-8,9	23,5	-26,2	-48,5
Vật liệu xây dựng	5,9	19,4	1,9	1,3	-0,4	13,4	23,2	-2,5
Bất động sản	31,2	98,2	7,9	-0,2	36,5	25,2	324,5	-7,4
Dịch vụ tiện ích	3,7	13,9	2,1	2,3	-2,7	5,3	19,0	-8,5

Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- Mỹ:** Tổng thống Donald Trump và Chủ tịch Tập Cận Bình sẽ gặp nhau tại Bắc Kinh vào ngày 14–15/5 nhằm ổn định quan hệ song phương trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị gia tăng. Các nội dung chính gồm gia hạn thỏa thuận khoáng sản chiến lược, khả năng Trung Quốc mua số lượng lớn máy bay Boeing, cùng các mặt hàng nông sản và năng lượng của Mỹ. Hai bên cũng sẽ trao đổi về phối hợp trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo (AI), xung đột Iran và kiểm soát vũ khí hạt nhân.
- Nhật Bản:** Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ) giữ nguyên lãi suất điều hành ở mức 0,75% — mức cao nhất kể từ năm 1995. Dự trữ ngoại hối của Nhật tăng thêm 8,3 tỷ USD lên 1,38 nghìn tỷ USD trong tháng 4/2026, trong bối cảnh nhà chức trách được cho là đã can thiệp để hỗ trợ đồng yên. Thị trường ngày càng kỳ vọng BOJ sẽ tăng lãi suất tại cuộc họp ngày 15–16/6 do rủi ro lạm phát gia tăng từ giá năng lượng cao và căng thẳng Trung Đông.
- Trung Quốc:** Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4 tăng 1,2% so với cùng kỳ năm trước (+0,3% so với tháng trước), trong khi chỉ số giá sản xuất (PPI) tăng mạnh 2,8% so với cùng kỳ (+1,7% theo tháng), lên mức cao nhất trong 45 tháng. Nguyên nhân chủ yếu đến từ chi phí năng lượng và vận tải tăng do căng thẳng địa chính trị. Lạm phát sản xuất gia tăng trong khi nhu cầu tiêu dùng hộ gia đình vẫn yếu và thị trường bất động sản tiếp tục suy giảm.

Tin vĩ mô trong nước

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, diễn ra tại Hà Nội từ ngày 11–13/5, tập trung vào việc tái cơ cấu cơ chế phối hợp thể chế, sửa đổi Điều lệ và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân nhằm hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng hai chữ số của Việt Nam. Bộ Tư pháp tập trung hoàn thiện Đề án Big Data và AI pháp luật trong tháng 5/2026, đồng thời xây dựng Chiến lược hoàn thiện hệ thống pháp luật đến năm 2045 trước ngày 15/10/2026.
- Bộ Tư pháp được giao hoàn thành dự án Dữ liệu lớn pháp lý và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tháng 5/2026, đồng thời xây dựng chiến lược hệ thống pháp luật quốc gia đến năm 2045 trước ngày 15/10/2026. Đây là bước đi cho thấy Việt Nam đang đẩy mạnh hiện đại hóa hạ tầng quản trị và các thiết chế số.

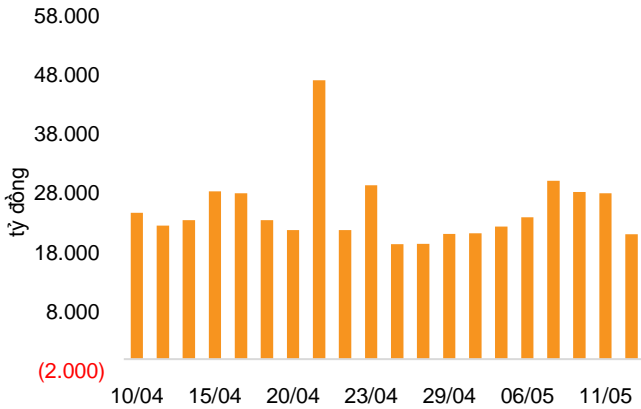
Tin ngành và doanh nghiệp

- SHB:** LNTT Q1/26 đạt 4.656 tỷ đồng (+7,0% svck); mục tiêu lợi nhuận cả năm đạt 19.165 tỷ đồng và dự kiến chia cổ tức tỷ lệ 18,0%. Tổng tài sản đạt 931,0 nghìn tỷ đồng, vốn điều lệ dự kiến tăng lên mức 58.786 tỷ đồng nhằm củng cố nền tảng tài chính.
- MPC:** Lãi ròng Q1/26 đạt 208,0 tỷ đồng (gấp 12 lần svck) trên mức doanh thu kỷ lục 5,7 nghìn tỷ đồng. Mục tiêu lãi cả năm đạt 1.100 tỷ đồng, hiện đã hoàn thành 20,0% kế hoạch lợi nhuận.
- REE:** Lãi ròng Q1/26 đạt 714,0 tỷ đồng (+17,0% svck) nhờ mảng cơ điện lạnh bứt phá mạnh 59,0%. Chốt quyền trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 15,0%; tổng mức cổ tức năm 2025 đạt 25,0% kết hợp tiền mặt và cổ phiếu.

Lịch dữ liệu vĩ mô dự kiến trong tuần

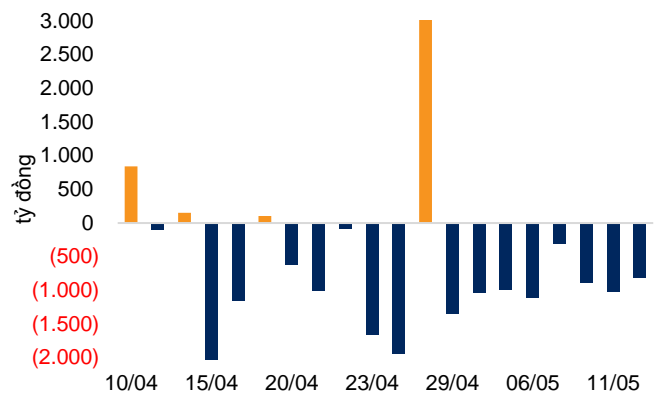
Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Hai, 11/05/2026	Trung Quốc	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) và chỉ số giá sản xuất (PPI) tháng 4/2026
Thứ Ba, 12/05/2026	Mỹ	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4/2026
Thứ Tư, 13/05/2026	Mỹ	Chỉ số giá sản xuất (PPI) tháng 4/2026
Thứ Năm, 14/05/2026	Mỹ	Doanh số bán lẻ tháng 4/2026

**Hình 3: GIÁ TRỊ GIAO DỊCH HOSE TRONG 20 PHIÊN**



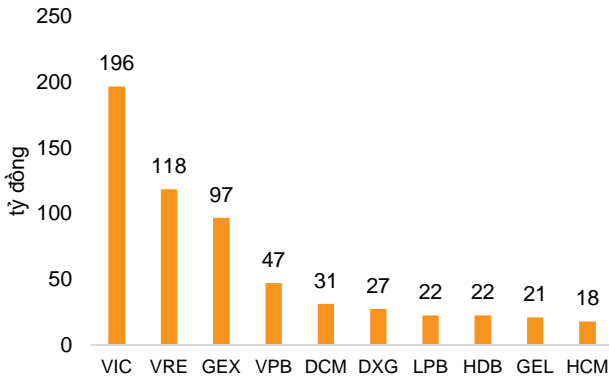
Nguồn: WITS, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 4: MUA/BÁN RÒNG KHỎI NGOẠI HOSE TRONG 20 PHIÊN**



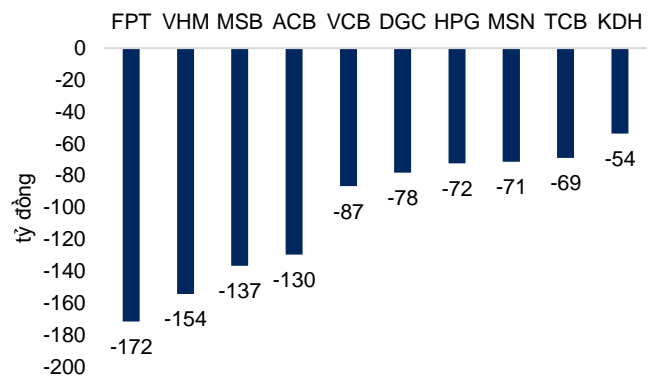
Nguồn: WITS, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 5: TOP 10 MUA RÒNG TRONG NGÀY**



Nguồn: FIIPRO, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 6: TOP 10 BÁN RÒNG TRONG NGÀY**



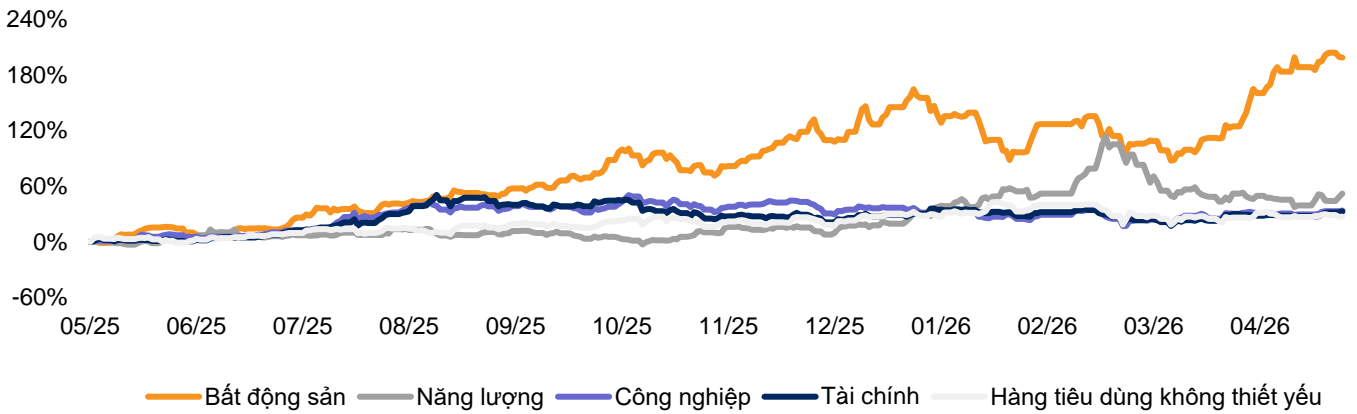
Nguồn: FIIPRO, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 7: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ TOÀN CẦU**

Quốc gia	Chỉ số	1D (%)	YTD (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	GTGD TB 3T (triệu USD)	Lợi suất TPCP 5 năm	Vốn NN từ đầu năm	Tỷ giá (% MoM)	Tỷ giá (% Svck)
Trung Quốc	Shanghai Index	-0,2%	6,2%	18,9	1,6	-12,1%	2,2%	151.048	1,5%	17.878	0,6%	6,1%
Ấn Độ	NSE500 Index	-2,1%	-6,5%	24,1	3,4	15,0%	1,2%	10.672	6,8%	-21.809	-2,4%	-10,7%
Indonesia	JCI Index	-0,7%	-20,7%	16,0	1,8	11,8%	3,7%	1.012	6,7%	-2.274	-2,4%	-5,3%
Singapore	FSTAS Index	0,2%	6,8%	17,6	1,5	9,0%	4,4%	1.574	1,7%	1.133	0,0%	2,6%
Malaysia	FBME Index	0,2%	5,3%	17,0	1,5	8,3%	3,7%	730	3,4%	391	1,1%	9,3%
Philippines	PCOMP Index	-0,3%	-2,8%	8,6	1,0	10,6%	3,8%	102	5,8%	-74	-2,1%	-9,7%
Thái Lan	SET Index	-0,4%	17,8%	12,8	1,4	8,5%	4,5%	2.061	1,5%	557	-1,0%	3,1%
Việt Nam	<b>VN-Index</b>	<b>0,3%</b>	<b>6,5%</b>	<b>15,5</b>	<b>2,2</b>	<b>15,1%</b>	<b>1,4%</b>	<b>914</b>	<b>4,1%</b>	<b>-1.852</b>	<b>0,0%</b>	<b>-1,4%</b>

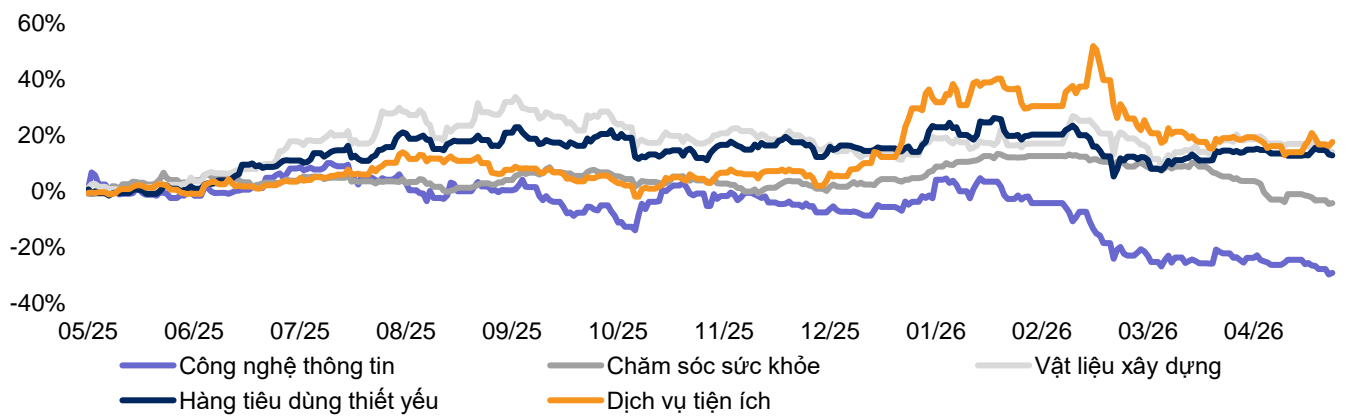
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 8: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN TRÊN)**



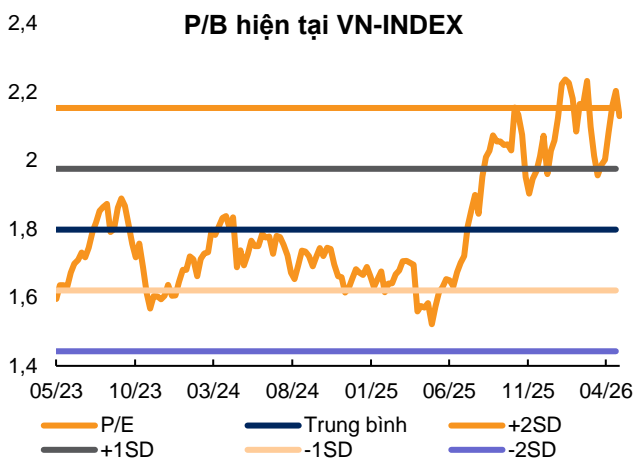
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 9: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN DƯỚI)**



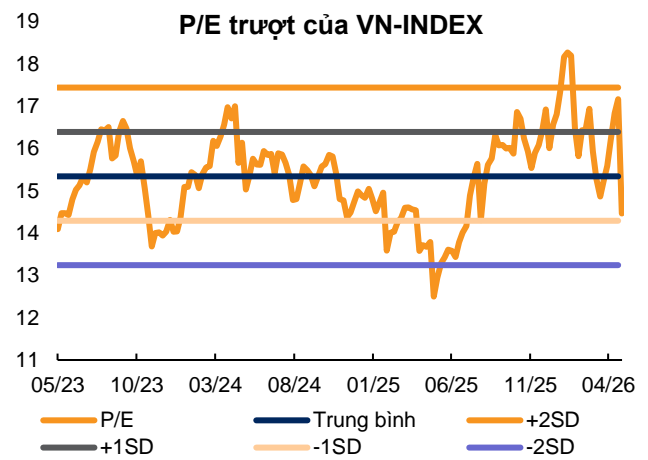
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 10: P/B HIỆN TẠI**



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 11: P/E TRƯỢT**



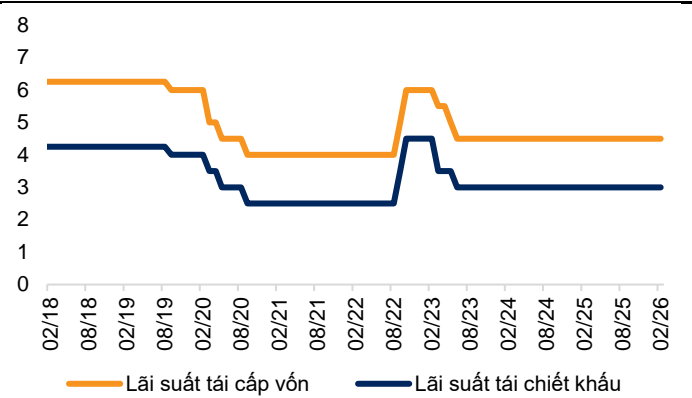
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 12: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ**

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1D	1M	YTD	1Y
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	4,05	0,1	-0,6	24,5	65,7
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/năm)	6,35	-4,5	36,6	284,8	54,9
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	6,58	-0,5	-12,6	-20,2	51,3
USD/VND	26.332	0,0	0,0	-0,1	-1,4
DXY	98,25	0,3	-0,4	-0,1	-3,5
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,43	0,3	2,6	6,3	-1,0
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	3,99	0,4	4,4	12,8	-0,4

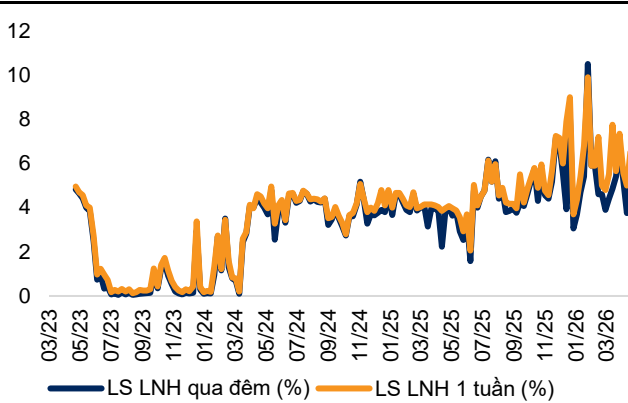
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 13: LÃI SUẤT CƠ BẢN NHNN VIỆT NAM**



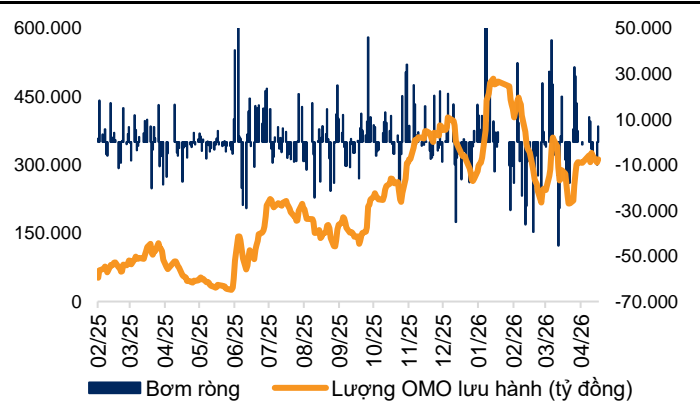
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 14: LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG**



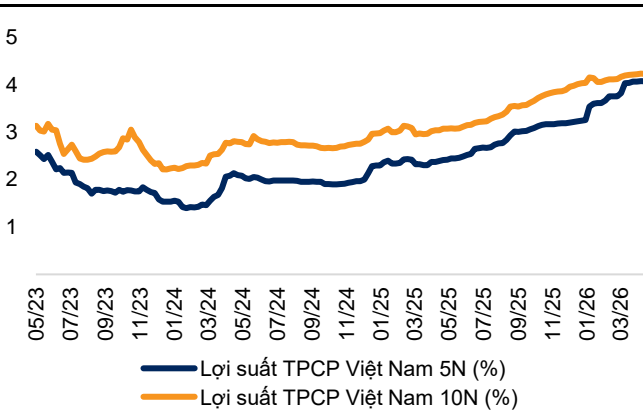
Nguồn: SBV, FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 15: NHNN BƠM/HÚT QUA KÊNH OMO**



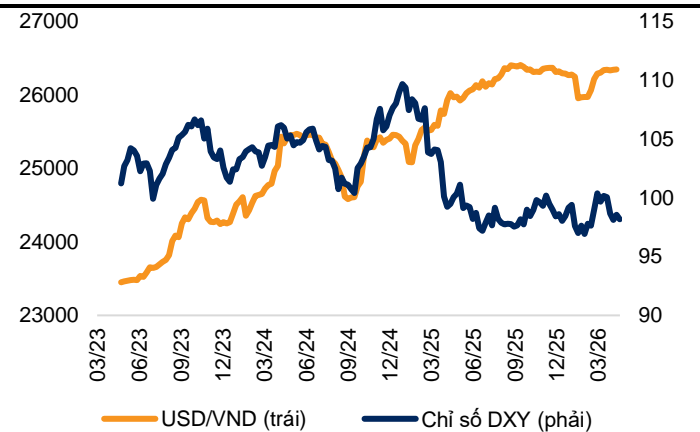
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 16: LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ**



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 17: TỶ GIÁ**



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 19: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA**

Năng lượng	1 ngày	1 tháng	1 năm
WTI	3,2%	4,8%	63,3%
Brent Crude	2,9%	12,6%	65,0%
JKM LNG	-0,1%	-7,4%	60,6%
Henry Hub LNG	-4,2%	-11,6%	48,6%
NW Thermal Coal	5,4%	6,8%	-12,1%
Singapore Platt FO	3,1%	10,7%	65,6%

Kim loại quý	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vàng	-0,5%	-1,2%	45,8%
Vàng SJC trong nước			
Bạc	-1,3%	10,3%	160,4%
Bạch kim	-1,9%	1,8%	113,8%

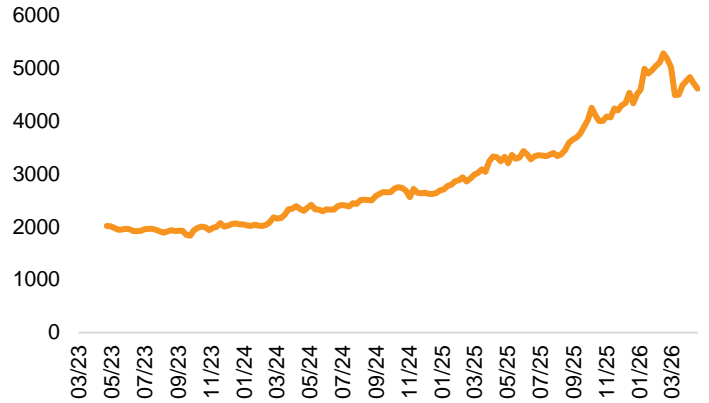
Kim loại cơ bản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vonfram	0,0%	2,9%	632,1%
Đồng	0,6%	9,7%	41,0%
Nhôm	2,5%	2,5%	51,4%
Niken	1,9%	11,9%	21,9%
Kẽm	1,0%	2,6%	7,3%
Chì	NA	NA	NA
Thép	0,1%	1,3%	-2,7%
Quặng sắt	-0,4%	3,4%	9,2%

Nông sản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Gạo	0,6%	10,2%	-4,1%
Arabica	3,1%	-0,5%	-24,8%
Đường	1,6%	10,2%	-14,4%
Cacao	12,6%	42,7%	-50,7%
Dầu cọ	-0,8%	-1,5%	NA
Bông	-0,9%	18,7%	30,5%
Sữa bột	0,1%	-0,1%	-7,8%
Lúa mì	1,2%	10,3%	26,2%
Đậu tương	0,5%	2,0%	14,9%
Hạt điều	NA	0,0%	2,8%
Cao su	1,1%	5,6%	29,3%
Urê	-4,9%	-5,2%	96,4%

Chăn nuôi	1 ngày	1 tháng	1 năm
Heo hơi	0,0%	0,2%	0,6%
Gia súc	0,2%	-0,9%	16,2%

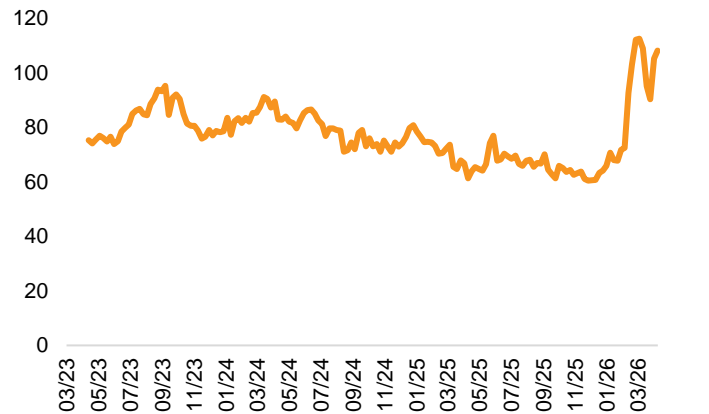
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 16: GIÁ VÀNG**



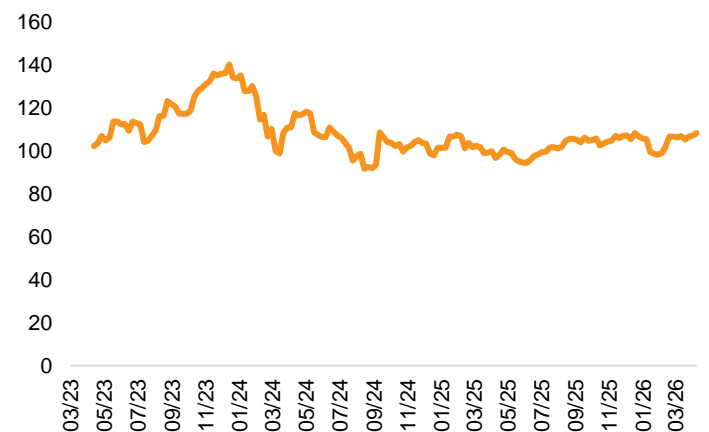
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 17: GIÁ DẦU BRENT**



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

**Hình 18: GIÁ QUẶNG SẮT**



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Danh mục cổ phiếu theo dõi của VNDIRECT RESEARCH

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
<b>Hàng không</b>										
ACV	5.959	2,1	2.806	43.800	73.300	68,6%	1,2%	14,7	2,2	16%
AST	123	0,0	4	72.000	85.400	22,1%	3,5%	11,0	4,7	47%
HVN	2.552	1,2	553	21.600	43.400	103,8%	2,9%	8,5	11,3	
VJC	3.932	8,4	928	175.000	113.600	-34,5%	0,6%	39,7	4,0	11%
<b>Bán lẻ</b>										
BAF	408	2,7	192	35.300	37.200	5,4%		55,8	2,6	4%
DGW	355	4,0	91	42.250	49.600	19,8%	2,4%	14,5	2,6	19%
FRT	894	2,5	151	138.300	150.300	8,9%	0,3%	25,8	5,3	28%
MCH	6.194	2,0		126.000	147.000	18,3%	1,6%	23,8	9,5	42%
MWG	4.673	24,0	-2	83.800	96.300	16,1%	1,2%	15,0	3,5	25%
PNJ	1.351	5,9	11	69.500	109.900	59,1%	1,0%	10,2	2,5	28%
QNS	680	0,3	277	48.700	53.400	13,8%	4,1%	8,0	1,4	18%
SAB	2.289	1,6	950	47.000	59.900	33,8%	6,4%	12,9	2,7	21%
VHC	523	2,5		61.300	71.300	19,6%	3,3%	9,2	1,4	16%
VNM	4.770	13,1	2.437	60.100	74.800	29,2%	4,7%	13,6	3,8	28%
<b>Tài chính</b>										
ACB	4.428	11,8	187	22.700	31.300	41,7%	3,8%	7,2	1,2	18%
BID	11.543	12,6	1.434	41.750	47.200	14,1%	1,1%	9,5	1,6	18%
CTG	10.397	13,1	501	35.250	49.000	39,9%	0,9%	7,2	1,5	22%
HDB	5.199	13,9	272	27.350	39.500	46,8%	2,3%	7,5	1,7	25%
LPB	6.183	2,9	252	54.500	33.400	-33,2%	5,5%	14,6	3,3	23%
MBB	7.923	19,8	21	25.900	32.900	29,0%	1,9%	7,5	1,5	21%
STB	5.498	22,6	970	76.800	45.700	-39,7%	0,8%	18,9	2,4	8%
TCB	9.096	15,8	3	33.800	40.300	21,3%	2,1%	9,2	1,4	16%
TPB	1.665	8,2	94	15.800	17.800	18,7%	6,0%	5,9	1,0	18%
VCB	19.007	19,1	1.899	59.900	69.300	16,4%	0,8%	13,9	2,1	16%
VIB	2.068	3,9	4	16.000	23.600	53,1%	5,6%	7,2	1,1	16%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VPB	8.391	16,8	459	27.850	37.100	35,0%	1,8%	8,4	1,3	16%
<b>Dệt may</b>										
MSH	154	0,6	65	36.100	40.600	15,2%	2,8%	6,6	2,1	33%
TCM	97	1,1	2	22.700	29.800	33,5%	2,2%	11,0	1,0	10%
<b>Khu công nghiệp</b>										
BCM	2.048	1,5	677	52.100	68.600	33,8%	2,1%	16,1	2,5	16%
GMD	1.322	6,2	94	81.600	72.000	-9,1%	2,7%	19,9	2,5	13%
HAH	370	4,8	80	57.700	55.400	-2,7%	1,3%	8,1	2,1	27%
VSC	313	7,2	150	22.050	19.100	-11,1%	2,3%	30,2	1,6	6%
IDC	643	4,6	207	44.600	45.600	5,6%	3,4%	9,1	2,5	31%
KBC	1.189	4,9	479	33.250	30.000	-8,6%	1,1%	20,3	1,3	7%
PHR	333	0,9	117	64.800	68.400	7,6%	2,1%	13,3	2,0	16%
VTP	422	1,7	189	64.200	129.200	102,5%	1,2%	30,5	6,0	21%
<b>Tài nguyên cơ bản</b>										
DGC	691	12,6	293	47.900	128.300	174,1%	6,3%	7,4	1,2	17%
HPG	7.841	43,5	2.091	26.900	30.000	13,4%	1,9%	9,8	1,5	16%
<b>Dầu khí</b>										
BSR	5.534	20,9	2.631	29.100	16.700	-41,1%	1,5%	11,1	2,1	21%
GAS	7.010	8,8	3.286	76.500	78.400	5,1%	2,7%	15,9	2,7	18%
OIL	566	4,4	35	14.400	14.800	4,5%	1,7%	42,0	1,4	3%
PLX	1.824	10,6	99	37.800	47.700	29,4%	3,2%	27,6	1,8	10%
PVD	672	8,8	261	31.850	32.600	10,2%	7,8%	15,1	1,0	7%
PVS	777	12,8	255	40.000	41.800	6,1%	1,6%	10,6	1,3	13%
PVT	403	9,7	143	22.600	23.400	4,5%	1,0%	9,3	1,2	13%
<b>Phân bón - Hóa chất</b>										
DPM	688	10,5	309	26.650	22.700	-11,6%	3,2%	15,8	1,6	11%
DCM	874	9,6	340	43.450	40.000	-3,3%	4,6%	11,2	2,0	19%
DDV	146	1,9	67	26.400	39.700	53,8%	3,4%	6,1	1,7	31%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
PLC	65	0,6	32	21.300	34.100	62,4%	2,3%	#N/A N/A	1,3	9%
<b>Điện</b>										
POW	1.637	9,9	775	14.550	14.400	0,1%	1,1%	17,6	1,2	7%
<b>Điện và BĐS</b>										
HDG	353	2,9	111	25.100	37.400	51,0%	2,0%	14,0	1,4	10%
PC1	283	8,9	103	18.100	26.500	46,4%	0,0%	8,1	1,1	15%
REE	1.259	3,1	0	61.200	76.600	26,8%	1,6%	12,6	1,6	13%
<b>Bất động sản</b>										
DXG	684	10,0	202	16.200	18.300	25,3%	12,3%	76,2	1,3	2%
KDH	1.006	4,5	238	23.600	41.800	78,4%	1,3%	23,6	1,4	6%
NLG	494	3,7	47	26.800	42.200	59,2%	1,7%	19,8	1,0	6%
VHM	24.989	28,1	10.512	160.200	93.600			10,2	2,5	28%
VRE	3.059	8,3	1.106	35.450	32.000	-6,8%	3,0%	11,7	1,6	15%
<b>Công nghệ</b>										
FPT	4.567	37,5	880	70.600	118.200	68,8%	1,4%	12,4	3,1	27%

## MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

## ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

### Hội sở

1 Nguyễn Thượng Hiền,  
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội  
ĐT: +84 24 3972 4568  
Fax: +84 24 3972 4568

### Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,  
Phường Sài Gòn, TP. HCM  
ĐT: +84 28 7300 0688  
Fax: +84 28 3914 6924

### Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,  
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng  
ĐT: +84 511 382 1111  
Fax: NA

### Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,  
Phường Trường Vinh, Nghệ An  
ĐT: +84 23 8730 2886  
Fax: NA

### Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,  
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ  
ĐT: +84 710 3766 959  
Fax: NA

### Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,  
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh  
ĐT: +84 98 8619 695  
Fax: NA

### Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành  
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa  
ĐT: +84 90 3255 202  
Fax: NA

### Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,  
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM  
ĐT: +84 27 4222 2659  
Fax: +84 27 4222 2660

### Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,  
Phường Nam Định, Ninh Bình  
ĐT: +84 22 8352 8819  
Fax: NA